Shàng dì

上帝

noun · God

Example Sentences

tā xiāng xìn Shàng dì
他 相 信 上 帝。

He believes in God.

xǔ duō rén zài jiào táng lǐ qí dǎo Shàng dì
许 多 人 在 教 堂 里 祈 祷 上 帝。

Many people pray to God in the church.

zài jī dū jiào zhōng Shàng dì bèi rèn wéi shì wàn wù de chuàng zào zhě
在 基 督 教 中 ， 上 帝 被 认 为 是 万 物 的 创 造 者。

In Christianity, God is considered the creator of all things.
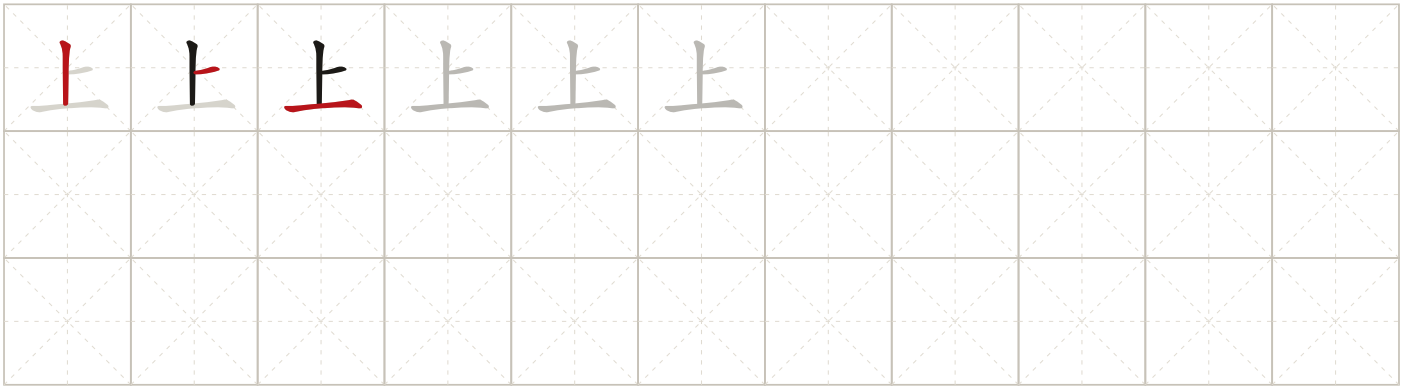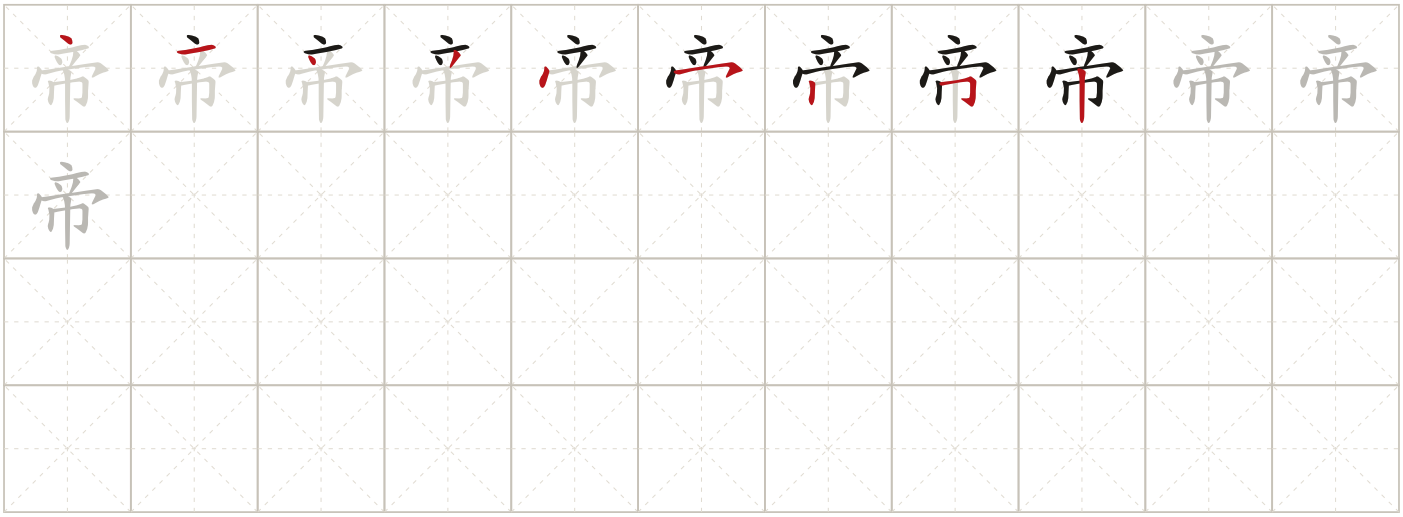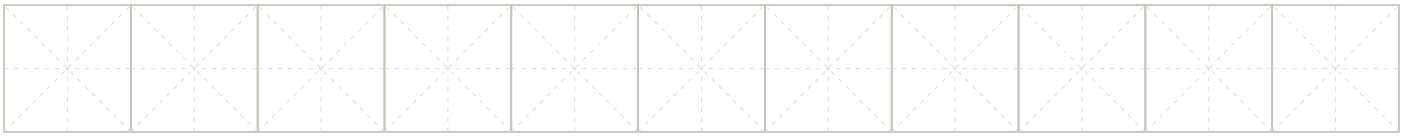
Trace each character, then write the word on your own.